

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÀ AN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đề trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Phà An Giang cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc vào ngày 31/12/2024.

1. *Khái quát về Công ty*

Công ty Cổ phần Phà An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang theo Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 167.520.000.000 VND, tương đương 16.752.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Vốn góp của chủ sở hữu thực tế tại ngày 31/12/2024 là 167.520.000.000 VND.

2. *Cấu trúc Công ty*

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1 – 2 đường Lý Thái Tổ, khóm Phó Quế, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù đặt tại ấp Bình Thành, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang đặt tại ấp Trung 2, xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu đặt tại đường Lê Duẩn, khóm Long Thạnh A, phường Long Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa đặt tại số 818/A, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranch đặt tại ấp Mỹ Thạnh, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang đặt tại số 828, tổ 22, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Cơ khí Giao thông đặt tại số 818/A, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Phà Vàm Cống đặt tại đường Chương Bình Lễ, khóm Thới An, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Phà Trà Ôn đặt tại đường Phan Bội Châu, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

10-001-C
HÀNH
TY TNHH
TOÁN
VIỆT
3-TP.CAN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2024 bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường.

4. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Châu Hà	Chủ tịch HĐQT	29/3/2021	
Ông Trần Quốc Long	Thành viên	29/3/2021	
Ông Lê Văn Trinh	Thành viên	29/3/2021	
Ông Trần Văn Thanh Tú	Thành viên	29/3/2021	
Ông Nguyễn Văn Huân	Thành viên	29/3/2021	

5. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Lương Thị Trúc Giang	Trưởng ban	29/3/2021	
Ông Nguyễn Xuân An	Thành viên	29/3/2021	
Ông Hồ Hải Luân	Thành viên	29/3/2021	

6. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Trần Quốc Long	Tổng Giám đốc	01/4/2021	
Ông Lê Văn Trinh	Phó Tổng Giám đốc	01/4/2021	
Ông Trần Văn Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc	01/4/2021	
Ông Nguyễn Văn Huân	Phó Tổng Giám đốc	01/4/2021	
Ông Phan Hữu Hiền	Kế toán trưởng	01/4/2021	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức danh

- Ông Phạm Châu Hà

Chủ tịch HĐQT Công ty

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ông Trần Quốc Long, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, và Ông Phạm Châu Hà, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

7. *Đánh giá tình hình kinh doanh*

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc vào ngày 31/12/2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 34.

8. *Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có*

9. *Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có*

10. *Kiểm toán*

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

11. *Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

12. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Long Xuyên, ngày 04 tháng 02 năm 2025



PHẠM CHÂU HÀ

U304A
CH
CÔN
KIẾ
SA
RÁN



Số: 33.24.24/2025/BCKT/SV-CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ Phần Phà An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phà An Giang ("Công ty") được lập ngày 04 tháng 02 năm 2025, từ trang 7 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Phà An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thiên Nga

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2023-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 04 tháng 02 năm 2025

Lê Nhật Linh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3234-2021-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.123.723.684	56.183.746.339
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.057.211.199	12.779.427.411
1. Tiền	111	V.1	10.057.211.199	2.779.427.411
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2	10.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.000.000.000	18.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	18.000.000.000	18.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.869.064.185	13.268.842.335
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	95.378.590	112.195.330
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	557.226.000	301.488.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	4.296.040.885	12.934.740.295
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(79.581.290)	(79.581.290)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	9.933.542.642	10.219.641.940
1. Hàng tồn kho	141		9.933.542.642	10.219.641.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.263.905.658	1.915.834.653
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.189.822.568	1.393.578.977
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.14	74.083.090	522.255.676
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		171.343.047.091	192.204.228.547
II. Tài sản cố định	220		155.830.622.483	166.585.652.079
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	143.611.730.485	153.775.577.958
- Nguyên giá	222		480.539.132.767	493.195.853.306
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(336.927.402.282)	(339.420.275.348)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	12.218.891.998	12.810.074.121
- Nguyên giá	228		12.344.411.500	12.837.146.955
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(125.519.502)	(27.072.834)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.512.424.608	25.618.576.468
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		15.512.424.608	25.618.576.468
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		225.466.770.775	248.387.974.886

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		77.690.893.303	98.871.720.224
I. Nợ ngắn hạn	310		61.867.833.396	76.296.143.606
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	228.201.266	1.138.831.140
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	707.760.920	715.990.456
4. Phải trả người lao động	314		3.593.549.006	5.783.033.878
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.857.049.085	2.049.263.447
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		54.015.077	16.723.139
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	32.596.925.584	44.566.266.838
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	22.742.585.773	21.929.988.023
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		87.746.685	96.046.685
II. Nợ dài hạn	330		15.823.059.907	22.575.576.618
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	15.435.080.410	22.187.597.121
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	387.979.497	387.979.497
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.775.877.472	149.516.254.662
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	147.775.877.472	149.516.254.662
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		167.520.000.000	167.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		167.520.000.000	167.520.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.744.122.528)	(18.003.745.338)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(20.960.261.413)	(25.617.616.380)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.216.138.885	7.613.871.042
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		225.466.770.775	248.387.974.886

Nguyễn Kim Thơ
Người lập

Phan Hữu Hiền
Kế toán trưởng



Phạm Châu Hà
Chủ tịch HĐQT
Long Xuyên, ngày 04 tháng 02 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	194.119.958.415	216.247.577.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	194.119.958.415	216.247.577.762
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	175.151.378.109	190.163.264.091
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		18.968.580.306	26.084.313.671
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	835.744.362	1.397.705.197
7. Chi phí tài chính	22		3.634.992.840	4.815.169.579
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.634.992.840	4.815.169.579
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	17.783.776.609	16.083.832.612
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.614.444.781)	6.583.016.677
11. Thu nhập khác	31	VI.4	3.174.630.619	1.090.629.473
12. Chi phí khác	32	VI.5	344.046.953	59.775.108
13. Lợi nhuận khác	40		2.830.583.666	1.030.854.365
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.216.138.885	7.613.871.042
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.216.138.885	7.613.871.042
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		73	278

Nguyễn Kim Thor
Người lậpPhan Hữu Hiền
Kế toán trưởngPhạm Châu Hà
Chủ tịch HĐQT
Long Xuyên, ngày 04 tháng 02 năm 2025

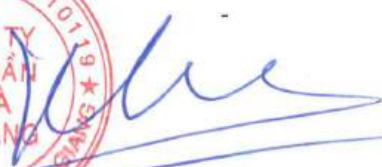
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	197.197.383.373	228.788.222.939
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(108.967.407.958)	(95.805.115.575)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(46.135.734.897)	(48.284.790.174)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.546.817.829)	(5.081.589.202)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	26.048.490.513	60.843.869.045
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(46.373.509.826)	(136.531.860.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.222.403.376	3.928.736.873
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.730.011.656)	(2.539.117.556)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	725.311.029	7.049.718
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.004.700.627)	(3.532.067.838)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	53.837.928.100	2.437.220.187
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(59.777.847.061)	(7.055.825.187)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.939.918.961)	(4.618.605.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.277.783.788	(4.221.935.965)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.779.427.411	17.001.363.376
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.057.211.199	12.779.427.411



Nguyễn Kim Thơ
Người lập



Phan Hữu Hiền
Kế toán trưởng



Phạm Châu Hà
Chủ tịch HĐQT
Long Xuyên, ngày 04 tháng 02 năm 2025





CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phà An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang theo Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 167.520.000.000 VND, tương đương 16.752.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Vốn góp của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 là 167.520.000.000 VND, trong đó:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	16.084.600	160.846.000.000	96,02%
- Các cổ đông khác	667.400	6.674.000.000	3,98%
Cộng	16.752.000	167.520.000.000	100,00%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Vận tải, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1 – 2 đường Lý Thái Tổ, khóm Pháo Quế, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù đặt tại ấp Bình Thành, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang đặt tại ấp Trung 2, xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu đặt tại đường Lê Duẩn, khóm Long Thạnh A, phường Long Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa đặt tại số 818/A, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Muong Ranh đặt tại ấp Mỹ Thạnh, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang đặt tại số 828, tổ 22, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Cơ khí Giao thông đặt tại số 818/A, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Phà Vàm Cống đặt tại đường Chương Binh Lễ, khóm Thới An, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Phà Trà Ôn đặt tại đường Phan Bội Châu, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Thông tin về công ty con và công ty liên kết: không có.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 441 người,
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 507 người.

8. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 7.744.109.712 VND (tại ngày 31/12/2023 là 20.112.397.267 VND). Điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty không gặp vấn đề gì về thanh toán nợ ngắn hạn vì giá trị các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa chiếm tỷ trọng khá lớn và liên quan đến các công trình đang xây dựng cơ bản dở dang.

4. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 09 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chủ bằng đồng tiền khác)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Công ty lâu dài nên không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm máy tính là 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

10. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

11. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Chi phí tiền lương

Theo Biên bản số 01/BB.XDĐGTL ngày 25/4/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang, Quỹ lương kế hoạch cho người lao động là 50.436.000.000 VND và người quản lý là 2.512.000.000 VND. Trong năm 2024, Công ty trích Quỹ lương thực hiện cho người lao động là 50.946.000.000 VND và người quản lý là 2.730.521.600 VND. Khoản chênh lệch giữa Quỹ lương kế hoạch và Quỹ lương thực hiện sẽ được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang phê duyệt lại trong năm 2025.

13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

14. Vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2024, không phát sinh chi phí lãi vay cần được vốn hóa.

15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

16. Phân phối lợi nhuận

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2024 Công ty đang chuyển lỗ vì thế Công ty không có lợi nhuận để phân phối.

17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

18. Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	1.830.432.452	2.230.554.228
Tiền gửi ngân hàng	8.226.778.747	548.873.183
Cộng	10.057.211.199	2.779.427.411

2. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền gửi kỳ hạn 03 tháng	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chủ bằng đồng tiền khác)

3. Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền gửi kỳ hạn 06 tháng	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	18.000.000.000	18.000.000.000

4. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đạt Minh	44.383.890	(44.383.890)	44.383.890	(44.383.890)
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Thuận Giang	29.222.400	(29.222.400)	29.222.400	(29.222.400)
- Công ty CP Xe khách Phương Trang Futa Buses	6.230.300	-	15.842.040	-
- Phà Đồng Tháp	15.542.000	-	22.747.000	-
Cộng	95.378.590	(73.606.290)	112.195.330	(73.606.290)

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
- Công ty TNHH XDTM CN Hàng Hải Tây Nam	213.952.000	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	343.274.000	(5.975.000)	301.488.000	(5.975.000)
Cộng	557.226.000	(5.975.000)	301.488.000	(5.975.000)

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Bên liên quan	3.898.547.270	-	10.466.081.295	-
- Phải thu về cổ phần hóa	3.898.547.270	-	10.466.081.295	-
Bên thứ ba	397.493.615	-	2.468.659.000	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	110.433.333	-	169.675.000	-
- Tạm ứng	287.060.282	-	381.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	1.917.984.000	-
Cộng	4.296.040.885	-	12.934.740.295	-

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Số phải lập dự phòng</i>	<i>Đã lập dự phòng</i>	<i>Chưa lập dự phòng</i>
- Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên	79.581.290	100%	(79.581.290)	(79.581.290)	-
Cộng	79.581.290		(79.581.290)	(79.581.290)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
Số đầu kỳ	(79.581.290)	(76.593.790)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(2.987.500)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(79.581.290)	(79.581.290)

8. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	9.005.777.892 (8.1)	8.955.210.544
Công cụ, dụng cụ trong kho	606.640.450 (8.2)	820.117.052
Hàng hóa	321.124.300 (8.3)	444.314.344
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9.933.542.642	10.219.641.940
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	9.933.542.642	10.219.641.940

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có.
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

8.1 Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho như sau:

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Nguyên vật liệu chính	6.092.427.065	5.744.183.591
- Nhiên liệu	2.913.350.827	3.211.026.953
Cộng	9.005.777.892	8.955.210.544

8.2 Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ trong kho như sau:

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Vé phà, vé cầu đường	276.571.637	356.550.717
- Công cụ, dụng cụ	156.638.729	161.233.315
- Thẻ nhựa	173.430.084	302.333.020
Cộng	606.640.450	820.117.052

8.3 Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Xăng các loại	246.809.752	352.339.059
- Dầu các loại	74.314.548	91.975.285
Cộng	321.124.300	444.314.344

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
- Chi phí đầu tư xây dựng sửa chữa	1.033.990.000	1.109.207.350
- Chi phí trả trước khác	155.832.568	284.371.627
Cộng	1.189.822.568	1.393.578.977

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	95.887.860.196	5.754.712.042	390.338.934.894	1.214.346.174	493.195.853.306
Mua trong năm	-	60.500.000	-	-	60.500.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.162.452.465	-	-	-	7.162.452.465
Tăng do hoán cải	-	-	12.090.961.264	-	12.090.961.264
Thanh lý nhượng bán	-	-	(10.987.816.600)	-	(10.987.816.600)
Giảm khác	(16.102.795.746)	-	(4.880.021.922)	-	(20.982.817.668)
Số cuối năm	86.947.516.915	5.815.212.042	386.562.057.636	1.214.346.174	480.539.132.767
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(39.500.852.619)	(3.970.902.068)	(294.734.174.487)	(1.214.346.174)	(339.420.275.348)
Khấu hao trong năm	(2.500.701.017)	(399.461.072)	(21.380.476.686)	-	(24.280.638.775)
Thanh lý nhượng bán	-	-	10.987.816.600	-	10.987.816.600
Giảm khác	11.083.983.440	-	4.701.711.801	-	15.785.695.241
Số cuối năm	(30.917.570.196)	(4.370.363.140)	(300.425.122.772)	(1.214.346.174)	(336.927.402.282)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	56.387.007.577	1.783.809.974	95.604.760.407	-	153.775.577.958
Số cuối năm	56.029.946.719	1.444.848.902	86.136.934.864	-	143.611.730.485

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 42.318.524.581 VND, (số đầu năm: 20.841.773.839 VND).
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 248.465.699.186 VND, (số đầu năm: 261.329.030.979 VND).

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	12.541.806.955	295.340.000	12.837.146.955
Thanh lý, nhượng bán	(492.735.455)	-	(492.735.455)
Số cuối năm	12.049.071.500	295.340.000	12.344.411.500
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(27.072.834)	(27.072.834)
Khấu hao trong năm	-	(98.446.668)	(98.446.668)
Số cuối năm	-	(125.519.502)	(125.519.502)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.541.806.955	268.267.166	12.810.074.121
Số cuối năm	12.049.071.500	169.820.498	12.218.891.998

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình	31/12/2024	01/01/2024
- Hoán cải phà	624.935.797	3.038.719.668
- Bến phà Mương Ranh	9.717.270.448	16.875.030.186
- Bến phà Tân Châu - Hồng Ngự	2.164.144.771	1.124.187.771
- Sửa chữa trên đả phà	2.641.318.211	3.684.908.470
- Các công trình khác	364.755.381	895.730.373
Cộng	15.512.424.608	25.618.576.468

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
- CN Công ty CP Dầu khí Mê Kông tại An Giang	-	475.730.000
- Công ty CP dầu nhờn PV Oil	209.209.000	-
- Các nhà cung cấp khác	18.992.266	663.101.140
Cộng	228.201.266	1.138.831.140

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong năm		31/12/2024	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT (*)	-	709.540.034	8.859.423.474	(8.866.930.499)	-	702.033.009
- Thuế TNDN	76.291.090	-	2.208.000	-	74.083.090	-
- Thuế TNCN	-	6.450.422	203.021.043	(203.743.554)	-	5.727.911
- Thuế nhà đất	445.964.586	-	1.518.033.704	(1.072.069.118)	-	-
- Các khoản PN khác	-	-	19.500.000	(19.500.000)	-	-
Cộng	522.255.676	715.990.456	10.602.186.221	(10.162.243.171)	74.083.090	707.760.920

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi Cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính năm 2024 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.216.138.885	7.613.871.042
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.270.885	27.091.368
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.217.409.770	7.640.962.410
Lỗi các năm trước được chuyển	(1.217.409.770)	(7.640.962.410)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Thuế TNDN bị truy thu các năm trước	2.208.000	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	2.208.000	-

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Thuế nhà đất, tiền thuê đất được nộp theo thông báo của Cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Bên liên quan	31.695.242.527	43.777.625.131
- Phải trả về cổ phần hóa	31.695.242.527	43.777.625.131
Bên thứ ba	901.683.057	788.641.707
- Kinh phí công đoàn	29.499.838	16.918.254
- BHXH, BHYT, BHTN	562.973.700	128.501.156
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	309.209.519	643.222.297
Cộng	32.596.925.584	44.566.266.838

16. Vay ngắn hạn và vay dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Vay ngắn hạn	22.742.585.773	21.929.988.023
Vietinbank – Chi nhánh An Giang	14.813.585.000 (16.1)	14.669.996.023
Vay dài hạn đến hạn trả	7.929.000.773	7.259.992.000
Vietinbank – Chi nhánh An Giang	5.807.302.773 (16.2)	4.840.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang	2.121.698.000 (16.3)	2.419.992.000
Vay dài hạn	15.435.080.410	22.187.867.121
Vietinbank – Chi nhánh An Giang	11.560.080.410 (16.2)	16.190.899.121
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang	3.875.000.000 (16.3)	5.996.968.000
Cộng	38.177.666.183	44.117.855.144

16.1 Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với hạn mức vay là 25.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng với tổng giá trị là 25.000.000.000 VND.

16.2 Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang thời hạn vay từ 4 năm đến 15 năm. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay dùng để đóng mới, hoán cải, nâng cấp phà và sửa chữa Ponton Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án đầu tư có liên quan và các phương tiện giao thông vận tải (phà và các ponton).

16.3 Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang thời hạn vay từ 75 tháng đến 114 tháng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Quỹ trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay dùng để đóng mới, hoán cải, nâng cấp phà và sửa chữa Ponton Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án đầu tư có liên quan và các phương tiện giao thông vận tải (phà và các ponton).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết số phát sinh khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu kỳ	21.929.988.023	31.178.487.045
Số tiền vay phát sinh	52.023.302.100	55.982.797.537
Số tiền vay đã trả	(51.879.713.123)	(72.491.288.559)
Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	669.008.773	7.259.992.000
Số cuối năm	22.742.585.773	21.929.988.023

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu kỳ	22.187.597.121	27.306.202.121
Số tiền vay phát sinh	1.814.626.000	2.437.220.187
Số tiền vay đã trả	(7.898.133.938)	(295.833.197)
Số tiền vay dài hạn đến hạn trả	(669.008.773)	(7.259.992.000)
Số cuối năm	15.435.080.410	22.187.597.111

17. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	387.979.497 (17.1)	387.979.497
Cộng	387.979.497	387.979.497

17.1. Đây là khoản Công ty trích dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ Tài Chính.

Tình hình biến động dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu kỳ	387.979.497	555.804.348
Số trích lập bổ sung	-	-
Số đã sử dụng	-	167.824.851
Số cuối năm	387.979.497	387.979.497

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu năm trước

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	167.520.000.000	(25.617.616.380)	141.902.383.620
Lợi nhuận trong năm trước	-	7.613.871.042	7.613.871.042
Số dư cuối năm trước	167.520.000.000	(18.003.745.338)	149.516.254.662

18.2 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu năm nay

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm nay	167.520.000.000	(18.003.745.338)	149.516.254.662
Lợi nhuận năm nay	-	1.216.138.885	1.216.138.885
Chuyển nộp thuế GTGT được giảm về tạm nộp Ngân sách		(2.899.306.027)	(2.899.306.027)
Điều chỉnh bổ sung thuế TNDN cho khớp với số liệu của Cơ quan Thuế		(2.208.000)	(2.208.000)
Điều chỉnh Quỹ lương phép năm 2023		(3.343.620)	(3.343.620)
Trích 2% KPCĐ năm 2023		(51.658.428)	(51.658.428)
Số dư cuối năm nay	167.520.000.000	(19.744.122.528)	147.775.877.472

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18.3 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Cổ đông Nhà nước	96,02%	160.846.000.000	96,02%	160.846.000.000
Các cổ đông khác	3,98%	6.674.000.000	3,98%	6.674.000.000
Cộng	100,00%	167.520.000.000	100,00%	167.520.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có.

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có.

18.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	167.520.000.000	167.520.000.000
▪ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
▪ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	167.520.000.000	167.520.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

18.5 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán: không có
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

18.6 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.752.000	16.752.000
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	16.752.000	16.752.000
▪ Cổ phiếu thường	16.752.000	16.752.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.752.000	16.752.000
▪ Cổ phiếu thường	16.752.000	16.752.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.

3-001
 ANH
 TNH
 DAN
 VIET
 P.CAN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Bến An Hòa	63.877.563.359	41.785.143.469	22.092.419.890	34,59%
- Bến Trà Ôn	18.578.275.401	19.443.529.738	(865.254.337)	(4,66)%
- Bến Ô Môi	245.556.052	1.123.826.387	(878.270.335)	(357,67)%
- Bến Năng Gù	21.944.505.069	20.891.829.063	1.052.676.006	4,80%
- Bến Châu Giang	42.461.284.247	28.322.899.248	14.138.384.999	33,30%
- Bến phụ Châu Giang	-	48.931.190	(48.931.190)	0,00%
- Bến Vàm Cống	1.958.958.094	2.920.926.424	(961.968.330)	(49,11)%
- Bến Tân Châu	7.049.664.872	13.185.471.099	(6.135.806.227)	(87,04)%
- Bến Thuận Giang	23.175.579.448	19.979.593.810	3.195.985.638	13,79%
- Bến Mương Ranh	10.459.125.252	15.577.158.264	(5.118.033.012)	(48,93)%
- Cửa hàng Xăng dầu	25.361.569.249	26.071.851.683	(710.282.434)	(2,80)%
- Liên kết đào tạo	3.636.364	122.113.294	(118.476.930)	(3.258,12)%
- Xí nghiệp cơ khí	1.131.860.355	689.990.422	441.869.933	(39,04)%
Cộng	216.247.577.762	190.163.264.091	26.084.313.671	12,06%

1.2. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Bến An Hòa	61.715.449.694	36.292.990.698	25.422.458.996	41,19%
- Bến Trà Ôn	18.924.857.591	19.192.647.056	(267.789.465)	(1,42)%
- Bến Ô Môi	215.716.233	949.837.758	(734.121.525)	(340,32)%
- Bến Năng Gù	21.041.791.621	20.990.635.744	51.155.877	0,24%
- Bến Châu Giang	14.542.172.746	9.820.913.637	4.721.259.109	32,47%
- Bến Vàm Cống	4.902.575.731	7.447.888.446	(2.545.312.715)	(51,92)%
- Bến Tân Châu	7.841.285.008	12.168.903.941	(4.327.618.933)	(55,19)%
- Bến Thuận Giang	24.099.924.297	20.213.333.562	3.886.590.735	16,13%
- Bến Mương Ranh	11.201.655.171	16.822.723.428	(5.621.068.257)	(50,18)%
- Cửa hàng Xăng dầu	23.405.303.141	24.005.227.393	(599.924.252)	(2,56)%
- Văn phòng Công ty	200.646.363	-	200.646.363	100,00%
- Xí nghiệp cơ khí	6.028.580.819	7.246.276.446	(1.217.695.627)	(20,20)%
Cộng	194.119.958.415	175.151.378.109	18.968.580.306	9,77%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	835.744.362	1.397.705.197
Cộng	835.744.362	1.397.705.197

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	9.642.587.773	9.511.884.632
- Chi phí vật liệu quản lý	36.436.045	49.892.495
- Chi phí đồ dùng văn phòng	160.433.121	242.642.496
- Chi phí khấu hao TSCĐ	405.783.975	422.051.295
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	-	2.987.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.751.474.203	3.109.345.335
- Chi phí bằng tiền khác	5.784.061.492	2.742.028.859
Cộng	17.783.776.609	16.083.832.612

4. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý tài sản cố định	2.716.778.970	-
+ Thu thanh lý tài sản cố định	2.893.517.273	-
+ Chi thanh lý tài sản cố định	(176.738.303)	-
- Thu tiền giảm thuế GTGT	-	849.961.063
- Các khoản thu nhập khác	457.851.649	240.668.410
Cộng	3.174.630.619	1.090.629.473

5. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	-	32.683.740
- Chậm nộp thuế	1.270.885	27.091.368
- Chi phí khác	342.776.068	-
Cộng	344.046.953	59.775.108

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.462.620.532	62.590.153.333
- Chi phí nhân công	59.061.506.075	66.353.925.499
- Chi phí khấu hao TSCĐ	23.901.464.450	27.315.132.332
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.985.167.964	16.949.196.181
- Chi phí bằng tiền khác	22.492.952.573	12.232.839.827
Cộng	165.903.711.594	185.441.247.172

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

7.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế	1.216.138.885	7.613.871.042
- Trừ các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	(2.956.516.075)
Lợi nhuận sau thuế tính lãi CBTCP	1.216.138.885	4.657.354.967
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	16.752.000	16.752.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	73	278

7.2. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được tính theo lợi nhuận sau thuế đã trừ các khoản thuế GTGT được giảm phải tạm nộp vào Ngân sách và các khoản điều chỉnh khác khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Việc áp dụng quy định này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 giảm từ 455 VND/CP xuống còn 278 VND/CP.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập của Hội đồng quản trị	456.000.000	475.000.000
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	1.824.000.000	1.900.000.000
- Thu nhập của Ban kiểm soát	450.521.600	353.310.000
Tổng thu nhập	2.730.521.600	2.728.310.000

2.2. Các giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Quan hệ
UBND Tỉnh An Giang	Cổ đông lớn
Ông Trần Trung Lập	Người thân Tổng giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Trung Lập		
- Thuê quyền sử dụng đất	198.000.000	198.000.000
Tổng thu nhập	198.000.000	198.000.000

Công ty không có Công nợ với các bên liên quan khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
UBND Tỉnh An Giang		
- Phải thu về cổ phần hóa	3.898.547.270	10.466.081.295
- Phải trả về cổ phần hóa	(31.695.242.527)	(43.777.625.131)
Chênh lệch phải trả	(27.796.695.257)	(33.311.543.836)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh An Giang. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực vận chuyển phà. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3-001
 ÁNH
 / TNH
 ĐẢN
 VIỆT
 P. CÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Long Xuyên, ngày 04 tháng 02 năm 2025

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN KIM THƠ



PHAN HỮU HIỀN



PHẠM CHÂU HÀ

